

05/12/2023

KHUYẾN NGHỊ

MUA

Giá hợp lý	55,800 VND
Giá hiện tại	40,000 VND
Tiềm năng tăng/giảm	40.0%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	5,058
Free float (triệu)	202.3
Vốn hóa (tỷ VND)	217,516
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	1.0 triệu
Sở hữu nước ngoài (%)	17.21%
Ngày niêm yết đầu tiên	24/01/2024

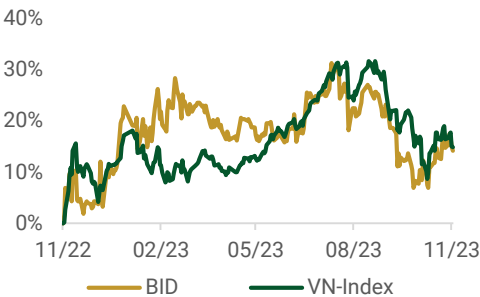
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Ngân hàng Nhà Nước	81.0%
KEB Hana Bank, Co., Ltd.	15.0%
Khác	4.0%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	3,967
BVPS (VND)	23,542
Nợ/VCSH (%)	16.9x
ROA (%)	0.96%
ROE (%)	18.3%
P/E	11.2x
P/B	1.9x
Tỷ suất cổ tức (%)	12.7%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trực thuộc Bộ Tài chính được thành lập vào năm 1957. Ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực huy động và kinh doanh vốn, và cung cấp các dịch vụ tài chính liên quan. BIDV được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2014. Kết thúc năm 2022, BIDV tiếp tục giữ vững vị thế là ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô lớn nhất Việt Nam.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Thảo Vy
vynghuyen@phs.vn

Cá voi trắng của ngành ngân hàng

- Trong 9T2023, tổng thu nhập hoạt động của BID tăng trưởng 1% YoY, nhưng LNST tăng 12% YoY nhờ giảm trích lập dự phòng.
- Thu nhập lãi thuần giảm nhẹ 1% do NIM thu hẹp 22 bps so với đầu năm.
- Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng năm 2024 khả quan hơn nhờ sự khởi sắc của nền kinh tế, phục hồi tâm lý nhà đầu tư và mặt bằng lãi suất tăng nhẹ. Chúng tôi khuyến nghị MUA với tiềm năng tăng giá là 40%.

Tổng tài sản lớn nhất hệ thống. Kết thúc 9M 2023, tổng tài sản của BID đạt 2,132 nghìn tỷ đồng (+1%YTD), là ngân hàng có tổng tài sản cao nhất toàn ngành. Lợi thế quy mô giúp BID tiếp cận khách hàng dễ dàng hơn, tối ưu hóa chi phí, qua đó tạo thuận lợi để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng quy mô tín dụng và tiền gửi.

Danh mục nợ đa dạng, tăng trưởng tín dụng tốt hơn những ngân hàng khác. Kết thúc 9M 2023, tín dụng của BID tăng trưởng 8.3%YTD. Thị phần cho vay của BID đạt 12.5%. Cơ cấu dư nợ tín dụng tập trung vào bán lẻ (44% dư nợ, tương đương 709 nghìn tỷ đồng), và doanh nghiệp (34% dư nợ, tương đương 547.9 nghìn tỷ đồng).

Chất lượng tài sản vượt trội. Kết thúc 9M 2023, tỷ lệ Nợ xấu của BID đạt 1.6%, thuộc top 25% thấp nhất ngành. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID đạt 158.4%, cao thứ 3 toàn ngành, cho thấy BID có mức độ chống chịu với rủi ro tín dụng tốt hơn trung bình ngành.

Câu chuyện phát hành riêng lẻ vẫn đang được xúc tiến sang năm 2024. Hiện BIDV vẫn đang có kế hoạch phát hành riêng lẻ 9% cho nhà đầu tư. Thời gian qua, BIDV nỗ lực thực hiện, đã tiếp xúc với 38 nhà đầu tư. Tuy nhiên, tình hình kinh tế trong nước không thuận lợi đã làm giảm nhu cầu. Hiện, đã có một số nhà đầu tư tiềm năng, BIDV sẽ làm việc với NHNN, các đối tác để tìm kiếm nhà đầu tư phù hợp nhất.

Dự báo năm 2024F: Chúng tôi dự phóng tăng trưởng tín dụng của BID năm 2024 đạt 13.4% nhờ hoạt động kinh tế Việt Nam được kỳ vọng khởi sắc trong năm 2024. Nhờ hoạt động tín dụng tăng trưởng tốt, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất cho vay cũng sẽ tăng nhẹ trong khi lãi suất huy động tăng chậm hơn. Thêm vào đó, nhờ tỷ lệ CASA cải thiện và lợi thế từ nguồn vốn giá rẻ, chúng tôi ước tính NIM của BID trong năm 2024 đạt 2.93%, tăng 11 bps so với cuối năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng áp lực nợ xấu sẽ gia tăng do Thông tư 02/2023/TT-NHNN hết hiệu lực, nhưng sự phục hồi của nền kinh tế sẽ góp phần giảm nhẹ gánh nặng nợ xấu. Qua đó, chúng tôi dự phóng tỷ lệ nợ xấu năm 2024 đạt 1.59% và chi phí trích lập dự phòng năm 2024 của BID là 29,752 tỷ đồng (+20%YoY). Do đó, chúng tôi ước tính LNST của BID năm 2024 là 25,522 tỷ đồng (+18%YoY).

Nhận xét và đánh giá: Bằng phương pháp định giá Residual Income và P/B, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với BID ở mức 55,800 đồng/cổ phiếu, cho thấy tiềm năng tăng giá 40% so với giá hiện tại.

Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần	35,978	35,797	46,823	56,070	59,951	68,900
Thu nhập ngoài lãi	12,143	14,240	15,670	13,512	15,780	20,015
Tổng thu nhập hoạt động	48,121	50,037	62,494	69,582	75,731	88,915
Chi phí hoạt động	(17,257)	(17,693)	(19,465)	(22,557)	(23,909)	(27,279)
Chi phí dự phòng	(20,132)	(23,318)	(29,481)	(24,015)	(24,835)	(29,752)
Thu nhập trước thuế	10,732	9,026	13,548	23,009	26,987	31,884
Lợi nhuận sau thuế	8,548	7,224	10,841	18,420	21,605	25,522
Tỷ lệ nợ xấu	1.75%	1.76%	1.00%	1.16%	1.51%	1.59%
Tỷ lệ CASA	16.0%	18.0%	19.4%	18.4%	19.1%	20.0%